

Bản án số: 03 /2020/ ST-DS
Ngày 14 -9 -2020
V/v: Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu bà Nguyễn Thị Huyền .

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- DS ngày 27/8/2020 giữa đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đậu Thị T, sinh năm 1972; trú tại: Bản C, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1966; trú tại: Bản C, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2019, cũng như ở những lời khai tiếp sau, nguyên đơn bà Đậu Thị T trình bày và đề nghị:

Vào năm 2013 bà Đậu Thị T có cho ông Phạm Văn L vay tổng số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), hai bên thỏa thuận không tính lãi suất, thời hạn trả nợ vào tháng 5 năm 2013 ông L sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trên, sau khi vay bà đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả, toàn bộ giấy tờ vay do ông Phạm Văn L viết và có chữ ký đầy đủ của hai bên. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông

Phạm Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền gốc 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày và đề nghị:

Ông Phạm Văn L được vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của bà Đậu Thị T vào năm 2010, khi vay hai bên nói không tính lãi suất, sau đó đến ngày, tháng ông không nhớ, ông đã trả cho con gái của bà T, Đ tên là H, việc trả tiền không làm giấy tờ gì cả. Việc bà T khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) ông Phạm Văn L xác định không được vay, riêng chữ ký vay số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) là không phải chữ ký của ông, ông không nhất trí trả số tiền trên cho bà Đậu Thị T. Trước đây ông đề nghị giám định chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền, nhưng sau đó và tại phiên tòa hôm nay ông L không yêu cầu giám định nữa, ông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, vào năm 2013 bà Đậu Thị T có cho ông Phạm Văn L vay tổng số tiền 18.000.000đ, hai bên thỏa thuận không tính lãi suất, thời hạn trả vào tháng 5 năm 2013 ông L sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trên, sau khi vay bà Thu đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải trả, không yêu cầu tính lãi suất Tòa án xác định là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản là có căn cứ đúng pháp luật.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Đậu Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 163, Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Phạm Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), cho bà Đậu Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Phạm Văn L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định. Bà Đậu Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng vào năm 2013 bà Đậu Thị T có cho ông Phạm Văn L vay tổng số tiền 18.000.000đ, hẹn trả vào tháng 5 năm 2013. Đến hạn trả, bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải trả, không yêu cầu tính lãi suất. Tòa án xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là kiện đòi tài sản.

[3] Về Thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự quy định về không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Trong đó có quy định tại khoản 2 Điều 155 đó là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác liên quan có quy định khác. Do vậy kiện đòi tài sản thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án vẫn thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đậu Thị T đã xuất trình tại Tòa án giấy biên nhận nợ tiền thể hiện nội dung ông Phạm Văn L vay bà Đậu Thị T 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) không ghi ngày tháng vay, hạn trả nợ vào tháng 5 năm 2013, đến nay ông L chưa trả được số nợ trên cho bà T. Tại phiên hòa giải ngày 07/02/2020 nguyên đơn bà Đậu Thị T khẳng định ông L có vay bà số tiền nêu trên. Giấy biên nhận nợ tiền cũng do ông L tự viết và ký vào giấy vay nợ đó. Còn ông Phạm Văn L thì cho rằng ông không bao giờ vay số tiền của bà T đến 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Giấy biên nhận nợ tiền là do bà T tự viết chứ ông L không được viết và chữ ký cũng không phải chữ ký của ông. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: “2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*” Trong vụ án này ông Phạm Văn L là người phản đối chữ viết và chữ

ký của ông L trong giấy biên nhận nợ tiền do bà Đậu Thị T cung cấp tại Tòa án, không phải là chữ viết, chữ ký của ông, nên ông Phạm Văn L là người phải chứng minh cho sự phản đối đó. Tòa án đã yêu cầu ông Phạm Văn L có đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Căn cứ vào đơn yêu cầu trưng cầu giám định ngày 19 tháng 3 năm 2020, Tòa án huyện Yên Châu đã có Quyết định trưng cầu giám định số: 01/2020/QĐ-TCGD ngày 20/3/2020, trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La thực hiện giám định chữ viết trong giấy biên nhận nợ tiền mà bà Đậu Thị T xuất trình tại Tòa án. Ngày 22/4/2020 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ, tài liệu cần giám định cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Trong quá trình tiến hành thủ tục ban đầu để giám định theo quy định, thì Phòng kỹ thuật hình sự Công an Sơn La cho biết, khó thực hiện giám định được, lý do là “Mẫu so sánh chưa đủ các đặc điểm để giám định, các thủ tục chưa chặt chẽ, (chưa có xác nhận chữ ký của ông Phạm Văn L trên mẫu so sánh bổ sung)”. Tòa án đã nhận lại đối tượng giám định thể hiện tại biên bản giao nhận lại đối tượng giám định ngày 21/5/2020. Để đảm bảo quyền lợi của ông Phạm Văn L, Tòa án đã có Quyết định số: 02/2020/QĐ-TCGD ngày 02/6/2020 trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an, yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông L trong giấy biên nhận nợ tiền như đã nêu ở phần trên. Sau khi nhận được Quyết định trưng cầu và tài liệu giám định, Viện khoa học hình sự Bộ Công an yêu cầu nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Tòa án đã thông báo cho ông L nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định. Ông Phạm Văn L không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo thông báo của Tòa án và ông L cho biết ý kiến là không yêu cầu giám định nữa, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Ngày 28 tháng 6 năm 2020 Tòa án đã gặp ông Phạm Văn L, ý kiến của ông thể hiện trong biên bản làm việc ngày 23 tháng 6 năm 2020, với nội dung ông L không yêu cầu giám định, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà hai bên đã cung cấp để giải quyết vụ án. Cũng vào ngày này, ngày 23 tháng 6 năm 2020 Tòa án huyện Y đã có văn bản gửi Viện khoa học hình sự, Bộ Công an rút lại tài liệu giám định. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Văn L để hỏi về vấn đề liên quan đến việc giám định, nhưng ông L vắng mặt tại Tòa án. Ngày 26 tháng 8 năm 2020, Tòa án huyện Y đã phối hợp với UBND xã Y, đến gặp ông L, ông L vẫn giữ nguyên ý kiến trên. Như vậy ông Phạm Văn L đã từ bỏ việc chứng minh sự phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: “4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Bà Đậu Thị T xuất trình tại Tòa án giấy biên nhận nợ tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), bản gốc. Bà T khẳng định đó là giấy biên nhận nợ tiền do

chính ông Phạm Văn L viết và ký “Phạm Văn L”. Ông Phạm Văn L không thừa nhận đó là chữ viết của mình, ông L là người có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, nhưng đã từ bỏ việc yêu cầu giám định. Như vậy, ông L không chứng minh được chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận nợ tiền, không phải là của mình. Vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Đậu Thị T. Buộc ông Phạm Văn L phải chịu trách nhiệm trả số nợ 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) cho bà T.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn L trình bày vào năm 2009 có vay của bà Th số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng), nhưng đến năm 2010, không nhớ rõ ngày, tháng, ông đã trả cho con gái của bà T, Đ tên là H, việc trả tiền không làm giấy tờ gì cả, việc ông L đưa ra vấn đề trên không liên quan đến giấy vay tiền vào năm 2013, hơn nữa cháu H cũng không thừa nhận, đã nhận số tiền ông L trả nợ như ông L đã trình bày trên. Vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến trên của ông L.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Đậu Thị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 163, Điều 164, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Thị T. Buộc bị đơn ông Phạm Văn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Đậu Thị T toàn bộ số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”

2.Về án phí: Ông Phạm Văn L phải chịu 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đậu Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004776 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14 tháng 9 năm 2020 các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh;
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)**

Hoàng Văn Bình